

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Khuyến công tỉnh Đồng Tháp
giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BCT ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2025/NQ-HDND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 40/TTr-SCT ngày 06/01/2026 về việc phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, P.KT (Ngân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số 35 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Kích hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ các ngành thâm dụng tài nguyên và lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ; nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

- Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực cạnh tranh, thích ứng với các tiêu chuẩn thị trường quốc tế và tham gia vào các chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng 05 mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới trên địa bàn; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại và dây chuyền công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 169 cơ sở công nghiệp nông thôn; xây dựng mô hình thí điểm về sản xuất sạch hơn cho 05 cơ sở công nghiệp nông thôn; hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho 05 cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Tổ chức 05 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Tỉnh. Tổ chức 15 đợt tham gia hội chợ, triển lãm trong tỉnh, khu vực và quốc gia để giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ 50 cơ sở xây

dựng, đăng ký thương hiệu, ứng dụng chuyển đổi số trong quảng bá, thương mại điện tử, phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; khuyến khích tổ chức thi thợ giỏi, thi thiết kế mẫu sản phẩm, truyền nghề và phổ biến kinh nghiệm của nghệ nhân nhằm bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống.

- Tổ chức 10 hội nghị để đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công; 10 lớp đào tạo về quản lý và khởi sự doanh nghiệp, gắn với nội dung sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; tổ chức 10 hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề về đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin và kinh tế số.

- Thực hiện 60 chuyên mục tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về hoạt động khuyến công; đẩy mạnh thông tin về chuyển đổi số, sản xuất và tiêu dùng bền vững, phát triển công nghiệp xanh và giảm phát thải, triển khai bằng nhiều hình thức phù hợp, thiết thực.

- Hỗ trợ 50 cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi ngành hàng, chuỗi giá trị. Hình thành các mô hình/cụm liên kết sản xuất - tiêu thụ- logistics trong các ngành chế biến nông lâm thủy sản; dệt may; thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh, ưu tiên các ngành tiêu thụ năng lượng lớn như chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất thực phẩm, cơ khí.

II. YÊU CẦU

1. Phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề trên phạm vi quốc gia, vùng, địa phương.

2. Thực hiện có chất lượng, hiệu quả chương trình, bảo đảm phát huy tối đa nguồn lực, năng lực hiện có của các cơ sở công nghiệp nông thôn trên cả nước.

3. Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức xã hội trong chỉ đạo, phối hợp, triển khai các hoạt động khuyến công. Nâng cao vai trò, vị trí của các cơ quan quản lý nhà nước về Công Thương ở địa phương, năng lực thực hiện của các đơn vị sự nghiệp ngành Công Thương thực hiện nhiệm vụ về khuyến công, tạo sự gắn kết với cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Chương trình theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/ 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, cụ thể là:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch cụ thể hàng năm.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

IV. NỘI DUNG

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới,

nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, tập huấn, đào tạo cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tiếp cận các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

d) Hỗ trợ liên kết các cơ sở công nghiệp nông thôn với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cầu về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở công nghiệp nông thôn.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia.

b) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

4. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ đào tạo theo đơn đặt hàng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong các khâu của quá trình đào tạo. Các ngành nghề ưu tiên hỗ trợ đào tạo: giải quyết nhiều việc làm, sản xuất sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu, khôi phục phát triển ngành nghề truyền thống, đào tạo kiến thức pháp luật, kinh doanh, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

b) Hỗ trợ tư vấn chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp. Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, giám đốc điều hành; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn; Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, đội ngũ cán bộ chuyên sâu về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

5. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn; công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất công nghiệp nông thôn. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

c) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của cơ sở công nghiệp nông thôn phù hợp với quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công. Xây dựng, tổ chức hoặc tham gia thực hiện hoạt động khuyến công trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế trong và ngoài nước.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin; tạo lập hệ thống quản lý đề án khuyến

công quốc gia theo mô hình số hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quản lý khuyến công.

d) Kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế chính sách, quản lý chương trình đề án khuyến công.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, vốn của cơ sở công nghiệp nông thôn, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư, phát triển cơ sở công nghiệp nông thôn.

2. Tổng kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026- 2030: dự kiến 116.760 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách địa phương (kinh phí khuyến công địa phương): 44.525 triệu đồng.

- Vốn đối ứng của các đơn vị thụ hưởng: 72.235 triệu đồng.

3. Phân kỳ kinh phí thực hiện:

DVT: Triệu đồng

TT	Năm	Ngân sách nhà nước	Kinh phí đối ứng của đơn vị thụ hưởng	Tổng cộng
1	2026	8.136	13.678	21.814
2	2027	8.976	14.518	23.494
3	2028	8.991	14.533	23.524
4	2029	9.156	14.698	23.854
5	2030	9.266	14.808	24.074
Tổng cộng		44.525	72.235	116.760

(Chi tiết theo Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án khuyến công hàng năm trên địa bàn tỉnh theo Chương trình này.

- Hàng năm, căn cứ Chương trình, Sở Công Thương xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo khả

năng cân đối ngân sách để thực hiện các hoạt động khuyến công cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; xây dựng kế hoạch thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia, gửi Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định, trình Bộ Công Thương phê duyệt.

- Là đầu mối hướng dẫn, giải quyết những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công; tổng hợp, báo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình cho phù hợp tình hình thực tế triển khai thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn tỉnh, nhằm bảo đảm hoàn thành tốt mục tiêu của Chương trình đề ra.

2. Sở Tài chính

- Hằng năm, trên cơ sở lập dự toán của Sở Công Thương, Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách để thực hiện các hoạt động khuyến công cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo hiệu quả.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan chuyển giao cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đề tài, dự án đã nghiên cứu thành công để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất nhằm phát huy ngay hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn xác lập, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ (gồm: hướng dẫn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích....) đối với sản phẩm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan lồng ghép các nguồn lực, các Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm, ...) trong việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị có liên quan tuyên truyền, lồng ghép các chương trình mục tiêu với Chương trình khuyến công để triển khai thực hiện hiệu quả.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tuyên truyền chính sách khuyến công và nội dung Chương trình khuyến công của tỉnh đến các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn quản lý.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn quản lý; phối hợp với Sở Công Thương khảo sát, thẩm tra, lựa chọn các đề án được hỗ trợ từ kinh phí khuyến công, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã phường có văn bản gửi Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.



Phụ lục 1

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Quyết định số 35.../QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung chương trình	Tổng kinh phí	Trong đó	
			Nguồn NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN
	Tổng cộng	116.760	44.525	72.235
I	Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn	1.500	1.500	0
1	Tổ chức hội thảo, hội nghị	1.150	1.150	0
2	Đào tạo Khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực	350	350	0
II	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất; xây dựng mô hình thí điểm, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	109.690	39.095	70.595
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	30.000	5.000	25.000
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	60.190	30.095	30.095
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn	15.000	2.500	12.500
4	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	4.500	1.500	3.000
III	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	2.750	2.750	0
1	Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm	1.500	1.500	0
2	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh	750	750	0
3	Hỗ trợ xây dựng phát triển thương hiệu	500	500	0
IV	Tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn	2.340	700	1.640
1	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	2.340	700	1.640
V	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công	480	480	0
1	Hỗ trợ xuất bản bản tin/ấn phẩm	180	180	0
2	Hỗ trợ các hình thức tuyên truyền khác	300	300	0

Phụ lục 2
TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số 3.5.../QĐ-UBND ngày 0.9.. tháng 01...năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Nội dung chương trình	Tổng kinh phí thực hiện			Kinh phí thực hiện từng năm														
		Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
					Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN
	Tổng số	116.760	44.525	72.235	21.814	8.136	13.678	23.494	8.976	14.518	23.524	8.991	14.533	23.854	9.156	14.698	24.074	9.266	14.808
I	Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn	1.500	1.500	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0
1	Tổ chức hội thảo, hội nghị	1.150	1.150	0	230	230	-	230	230	-	230	230	-	230	230	-	230	230	-
2	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực	350	350	0	70	70	-	70	70	-	70	70	-	70	70	-	70	70	-
II	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất; xây dựng mô hình thí điểm, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp	109.690	39.095	70.595	20.400	7.050	13.350	22.080	7.890	14.190	22.110	7.905	14.205	22.440	8.070	14.370	22.660	8.180	14.480
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	30.000	5.000	25.000	6.000	1.000	5.000	6.000	1.000	5.000	6.000	1.000	5.000	6.000	1.000	5.000	6.000	1.000	5.000
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	60.190	30.095	30.095	10.500	5.250	5.250	12.180	6.090	6.090	12.210	6.105	6.105	12.540	6.270	6.270	12.760	6.380	6.380
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn	15.000	2.500	12.500	3.000	500	2.500	3.000	500	2.500	3.000	500	2.500	3.000	500	2.500	3.000	500	2.500
4	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	4.500	1.500	3.000	900	300	600	900	300	600	900	300	600	900	300	600	900	300	600
III	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	2.750	2.750	0	550	550	0	550	550	0	550	550	0	550	550	0	550	550	0
1	Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm	1.500	1.500	0	300	300	-	300	300	-	300	300	-	300	300	-	300	300	-
2	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh	750	750	0	150	150	-	150	150	-	150	150	-	150	150	-	150	150	-
3	Hỗ trợ xây dựng phát triển thương hiệu	500	500	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0	100	100	0
IV	Tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn	2.340	700	1.640	468	140	328	468	140	328	468	140	328	468	140	328	468	140	328

Stt	Nội dung chương trình	Tổng kinh phí thực hiện			Kinh phí thực hiện từng năm														
					Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
		Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN	Tổng kinh phí	NSNN	Huy động từ các cơ sở CN-TTCN
1	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	2.340	700	1.640	468	140	328	468	140	328	468	140	328	468	140	328	468	140	328
V	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công	480	480	0	96	96	0	96	96	0	96	96	0	96	96	0	96	96	0
1	Hỗ trợ xuất bản bản tin/ấn phẩm	180	180	0	36	36	-	36	36	-	36	36	-	36	36	-	36	36	-
2	Hỗ trợ các hình thức tuyên truyền khác	300	300	0	60	60	-	60	60	-	60	60	-	60	60	-	60	60	-

Phụ lục 3

TỔNG HỢP SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 35...../QĐ-UBND ngày 09... tháng 01... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Stt	Nội dung chương trình	Đơn vị tính	Tổng số lượng thực hiện	Số lượng thực hiện từng năm				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	Tổng số		389	69	73	77	82	88
I	Nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn, hoạt động khuyến công		20	4	4	4	4	4
1	Tổ chức hội thảo, hội nghị	Cuộc	10	2	2	2	2	2
2	Đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nâng cao năng lực	Lớp	10	2	2	2	2	2
II	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất; xây dựng mô hình thí điểm, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp		184	28	32	36	41	47
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới	Mô hình	5	1	1	1	1	1
2	Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, chuyển giao khoa học công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Cơ sở	169	25	29	33	38	44
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn	Mô hình	5	1	1	1	1	1
4	Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	Cơ sở	5	1	1	1	1	1
III	Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu		70	14	14	14	14	14
1	Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm	Hội chợ	15	3	3	3	3	3
2	Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh	Lần	5	1	1	1	1	1

Stt	Nội dung chương trình	Đơn vị tính	Tổng số lượng thực hiện	Số lượng thực hiện từng năm				
				Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
3	Hỗ trợ xây dựng phát triển thương hiệu	Thương hiệu	50	10	10	10	10	10
IV	Tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn		50	10	10	10	10	10
1	Hỗ trợ tư vấn cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các hoạt động: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới....	Cơ sở	50	10	10	10	10	10
V	Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công		65	13	13	13	13	13
1	Hỗ trợ xuất bản bản tin/ấn phẩm	Chuyên mục	60	12	12	12	12	12
2	Hỗ trợ các hình thức tuyên truyền khác	Hình thức	5	1	1	1	1	1